

HỒN BẠCH LÀ GÌ?

Giải thích từ ngữ trong bối cảnh Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên (2025)

Michel Nguyễn Hạnh
Phó Trưởng Ban Từ Vọng Hán Nôm Công Giáo
Phân ban thuộc Ủy ban Giáo Lý Đức Tin –
Thành viên Ủy ban Văn hóa

Trong Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên, ban hành tại Nha Trang ngày 14.11.1974, Hội đồng Giám mục miền Nam Việt Nam đã chấp thuận việc thiết lập bàn thờ gia tiên trong các gia đình Công giáo, đồng thời đưa ra một điều kiện đáng chú ý:

“Bàn thờ gia tiên để kính nhớ Ông Bà Tổ Tiên được đặt dưới bàn thờ Chúa trong gia đình, miễn là trên bàn thờ không bày biện điều gì mê tín dị đoan, như hồn bạch.”

Quy định này được ghi tại khoản 1 của bản Quyết nghị năm 1974, hiện được in lại trong Phụ lục 1 của văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên, công bố ngày 7.10.2025, trang 54.

Đối với độc giả ngày nay, hai chữ hồn bạch có lẽ khá xa lạ. Nhiều người biết đến bàn thờ gia tiên, bài vị, linh vị, di ảnh hoặc những vật dụng trong tang lễ truyền thống, nhưng chưa chắc đã hiểu hồn bạch là gì, được làm bằng chất liệu nào, có công dụng ra sao và tại sao lại được nhắc đến trong một quy định của Giáo hội Công giáo.

Muốn hiểu đúng thuật ngữ này, cần trở về với chữ Hán, tìm hiểu nguồn gốc của nó trong lễ chế cổ truyền, phân biệt hồn bạch với những vật phẩm thờ cúng có liên quan, rồi từ đó nhận diện ý nghĩa của quy định năm 1974 trong đường hướng hội nhập văn hóa được văn kiện năm 2025 tiếp tục trình bày.

1. Hồn bạch nghĩa là gì?

Hồn bạch viết bằng chữ Hán là 魂帛, gồm hai thành tố: **hồn** (魂) và **bạch** (帛).

Chữ **hồn** (魂) chỉ phần thiêng liêng, tức yếu tố tinh thần của con người

theo quan niệm truyền thống. Trong tư tưởng dân gian xưa, con người thường được nhìn nhận trong mối liên hệ giữa hồn (魂) và phách (魄), với những cách giải thích khác nhau tùy thời kỳ và học phái. Khi con người chết, sự phân ly giữa hồn và phách trở thành một trong những cơ sở để hình thành các nghi thức tang ma và tế tự.

Chữ **bạch** (帛) có nghĩa là lụa, vải tơ hoặc những loại vải dệt dùng trong lễ nghi. Cần lưu ý rằng chữ **bạch** trong **hồn bạch** là 帛, không phải chữ 白 có nghĩa là màu trắng. Hai chữ này tuy cùng âm Hán Việt nhưng khác nhau về tự dạng và ý nghĩa. Vì vậy, không nên giải thích hồn bạch đơn giản là một vật màu trắng tượng trưng cho linh hồn, mặc dù trong thực tế tang lễ, vật phẩm ấy thường được làm bằng vải trắng.

Ghép hai chữ lại, hồn bạch có thể hiểu là tấm lụa hoặc vật phẩm bằng vải được thiết lập để tượng trưng cho hồn người quá cố trong nghi lễ tang ma.

Điều đáng chú ý là hồn bạch không chỉ là một tên gọi mang tính biểu tượng. Trong lễ chế truyền thống, nó còn là một vật phẩm cụ thể, có cách thức chế tác, vị trí an đặt và công dụng nghi lễ riêng. Bởi vậy, muốn hiểu đầy đủ hai chữ này, không thể chỉ dừng lại ở nghĩa từ nguyên.

2. Hồn bạch trong lễ chế cổ truyền: từ tấm lụa hứng hơi thở cuối cùng đến vật tượng trưng cho linh hồn

Trong tang lễ truyền thống của người Việt, đặc biệt ở những nghi thức chịu ảnh hưởng của lễ chế Nho giáo, **hồn bạch** (魂帛) không đơn thuần là một tấm vải được đặt trên bàn thờ để tưởng nhớ người quá cố, mà là một vật phẩm có cách thức hình thành và sử dụng riêng, gắn liền với những quan niệm cổ truyền về linh hồn con người khi lìa khỏi thân xác. Muốn hiểu ý nghĩa của hồn bạch, cần trở về thời điểm người hấp hối trút hơi thở cuối cùng, bởi theo một số tư liệu mô tả phong tục tang ma, chính từ giây phút ấy mà tấm lụa được sử dụng trong nghi thức bắt đầu mang một ý nghĩa đặc biệt.

Theo những tư liệu mô tả tập tục này, khi một người sắp trút hơi thở cuối cùng, người ta dùng một tấm lụa trắng dài năm hoặc bảy thước, tùy theo quy định hoặc phong tục được ghi nhận, đặt lên vùng ngực của

người hấp hối. Tẩm lụa ấy được cho là có công dụng hứng lấy hơi thở cuối cùng, đồng thời tiếp nhận, theo quan niệm tín ngưỡng, một dấu vết nào đó của linh hồn trong giây phút lìa khỏi thân xác. Đây không chỉ là một thao tác thông thường trong việc chăm sóc người hấp hối, mà còn là một nghi thức mang ý nghĩa biểu tượng, xuất phát từ cách người xưa hình dung về mối liên hệ giữa hơi thở, sự sống và linh hồn.

Trong quan niệm cổ truyền, hơi thở là một trong những dấu hiệu trực tiếp nhất của sự sống, bởi khi hơi thở chấm dứt, con người được xem là đã bước qua ranh giới giữa sự sống và cái chết. Vì vậy, việc dùng tẩm lụa để hứng hơi thở cuối cùng có thể được hiểu như một cố gắng lưu giữ dấu vết của người vừa qua đời, hoặc tượng trưng cho sự chuyển tiếp từ sự hiện diện bằng thân xác sang một hình thức hiện diện khác trong thế giới tín ngưỡng của người sống. Tuy nhiên, cần hiểu rằng đây là cách giải thích về ý nghĩa của nghi thức trong một hệ thống quan niệm cổ truyền, chứ không phải là sự xác nhận rằng tẩm lụa thực sự có khả năng thu giữ linh hồn.

Sau khi người hấp hối qua đời, tẩm lụa đã được sử dụng trong những giây phút cuối cùng ấy được lấy ra rồi thắt, kết hoặc gấp lại sao cho có hình dáng gần giống một con người, với phần thân mình và những phần tượng trưng cho tay chân. Từ lúc đó, tẩm lụa không còn được xem là một vật dụng thông thường, mà trở thành **hồn bạch** (魂帛), tức một vật phẩm được quan niệm là đại diện cho linh hồn người đã khuất.

Điều đáng chú ý là trong cách hiểu tín ngưỡng này, hồn bạch không chỉ mang ý nghĩa gợi nhớ hình ảnh người chết, mà còn được xem như một hình thức hiện diện mang tính nghi lễ của người quá cố, qua đó thân nhân tiếp tục thực hiện những nghi thức tang lễ và bày tỏ lòng hiếu kính. Chính sự chuyển đổi ý nghĩa, từ một tẩm lụa thông thường thành vật tượng trưng cho linh hồn, là đặc điểm cần được lưu ý khi tìm hiểu nguồn gốc và công dụng của hồn bạch trong lễ chế tang ma cổ truyền.

Sau khi được kết thành hình người, hồn bạch được đặt trong một chiếc tráp, rồi an vị trên linh sàng hoặc linh tọa trong suốt thời gian thi hài còn quàn tại nhà. Trong cách sử dụng thuật ngữ của một số tư liệu tang lễ, linh sàng là chiếc giường hoặc nơi được thiết lập dành cho người

quá cố, còn linh tọa là vị trí an đặt vật phẩm tượng trưng cho người đã khuất để thân nhân thực hiện các nghi thức tưởng niệm và kính lễ. Trong không gian tang lễ ấy, hồn bạch giữ vai trò như một dấu chỉ hữu hình của người vừa qua đời, trong khi thi hài được đặt trong quan tài và chuẩn bị cho việc an táng.

Khi đưa tang, hồn bạch cũng được đưa theo đoàn tang lễ. Theo tập tục đang được khảo xét, vật phẩm này được đặt trong một chiếc tráp sơn, an vị trên linh xa, tức phương tiện hoặc kiệu dùng để chuyên chở những vật phẩm nghi lễ liên quan đến người quá cố. Hồn bạch được đưa đến phần mộ cùng đoàn đưa tang, nhưng không nhất thiết được chôn theo thi hài; trái lại, trong tập tục được mô tả, sau khi hoàn tất việc an táng, người ta lại rước hồn bạch trở về nhà để tiếp tục những nghi thức thờ cúng dành cho người đã khuất.

Chi tiết này đặc biệt có ý nghĩa, bởi nó cho thấy sự phân biệt giữa việc an táng thân xác và việc duy trì sự hiện diện mang tính nghi lễ của người quá cố trong gia đình. Thi hài được đưa xuống huyệt mộ, còn hồn bạch được rước trở về nhà, nơi con cháu tiếp tục tưởng nhớ và thực hiện những nghi thức theo phong tục. Trong một số truyền thống lễ chế, hồn bạch được sử dụng trong giai đoạn chuyển tiếp trước khi thiết lập thần chủ hoặc bài vị chính thức, nhưng trình tự cụ thể còn tùy thuộc vào thời kỳ, địa phương và hệ thống nghi lễ được áp dụng.

Như vậy, xét theo toàn bộ quá trình hình thành và sử dụng, hồn bạch không phải chỉ là một tấm lụa được đặt tùy ý trên bàn thờ, mà là một vật phẩm gắn liền với chuỗi nghi thức bắt đầu từ lúc người hấp hối trút hơi thở cuối cùng, tiếp tục qua thời gian quần thi hài, đưa tang, an táng và những nghi thức tưởng niệm tại gia đình. Tấm lụa được sử dụng để hứng hơi thở, được kết thành hình người, an vị trên linh sàng hoặc linh tọa, đưa theo linh xa ra phần mộ rồi rước trở về nhà. Mỗi công đoạn đều phản ánh một khía cạnh trong quan niệm cổ truyền về sự chết và mối liên hệ giữa người sống với linh hồn người đã khuất.

Chính vì thế, cần phân biệt hồn bạch với những vật phẩm tưởng niệm thông thường như di ảnh hoặc tấm bảng ghi tên người quá cố. Di ảnh trước hết giúp con cháu nhận diện và tưởng nhớ hình ảnh của người đã

mất, còn hồn bạch, trong hệ thống tín ngưỡng vừa trình bày, được thiết lập qua những nghi thức mang hàm ý tiếp nhận và duy trì sự hiện diện của linh hồn. Sự khác biệt ấy không nằm ở chất liệu lụa hay vải, mà chủ yếu ở ý nghĩa tín ngưỡng được gán cho vật phẩm và những hành vi nghi lễ liên quan đến nó.

Khi đối chiếu quan niệm cổ truyền ấy với giáo lý Công giáo, cần lưu ý rằng Hội Thánh nhìn nhận con người là một hữu thể thống nhất gồm thân xác và linh hồn, trong đó linh hồn thiêng liêng không phải là một yếu tố vật chất có thể được thu giữ hoặc chuyển vào một vật phẩm bằng những thao tác nghi lễ. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 366, dạy rằng linh hồn thiêng liêng được Thiên Chúa trực tiếp tạo dựng và không bị tiêu diệt khi lìa khỏi thân xác lúc con người qua đời. Vì vậy, những cách giải thích về việc dùng tấm lụa để hứng hơi thở cuối cùng và lưu giữ hồn người chết cần được nhận diện như những quan niệm thuộc lịch sử tín ngưỡng và lễ chế, chứ không thể được xem là cách giải thích phù hợp với giáo lý Công giáo về bản chất của linh hồn.

Từ đây, chúng ta có thêm cơ sở để tìm hiểu tại sao *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên* năm 1974, khi cho phép người Công giáo thiết lập bàn thờ gia tiên, lại đặc biệt lưu ý không bày biện những vật phẩm mang tính mê tín dị đoan, trong đó có hồn bạch. Nếu hồn bạch được hiểu như nơi linh hồn người chết hiện diện hoặc cư ngụ để tiếp nhận sự phụng thờ, thì quan niệm ấy không phù hợp với giáo lý Công giáo về linh hồn và sự sống sau khi chết. Ngược lại, việc sử dụng những vật phẩm chỉ nhằm ghi nhớ tên tuổi, hình ảnh và công đức của tổ tiên có thể mang ý nghĩa văn hóa và đạo hiếu chính đáng, miễn là không gắn với những quan niệm tín ngưỡng trái với đức tin.

Do đó, việc tìm hiểu hồn bạch không chỉ giúp chúng ta nhận diện một phong tục tang ma cổ truyền, mà còn cho thấy sự cần thiết phải phân biệt giữa vật phẩm tưởng niệm và vật phẩm mang ý nghĩa tín ngưỡng. Đây cũng là một trong những chìa khóa để hiểu đường hướng của Giáo hội Công giáo Việt Nam trong việc đón nhận những giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, đồng thời phân định những yếu tố không tương hợp với đức tin.

3. Hồn bạch, thần chủ, bài vị và linh vị có giống nhau không?

Trong việc thờ kính tổ tiên, người Việt thường sử dụng những thuật ngữ như hồn bạch, thần chủ, bài vị, linh vị và di ảnh. Những vật phẩm này có thể cùng xuất hiện trong không gian tang lễ hoặc thờ cúng, nhưng không hoàn toàn đồng nghĩa.

Hồn bạch (魂帛) là vật phẩm được làm bằng lụa hoặc vải, sử dụng trong một số nghi thức tang lễ cổ truyền để tượng trưng cho hồn người quá cố. Theo một số tư liệu mô tả phong tục tang ma, tấm lụa được đặt trên người hấp hối nhằm hứng hơi thở cuối cùng, sau đó được thắt hoặc kết thành hình người và an vị tại nơi dành cho người đã khuất. Trong quan niệm tín ngưỡng gắn với nghi thức ấy, hồn bạch không chỉ là vật gợi nhớ người chết, mà còn được xem như vật tượng trưng cho sự hiện diện của hồn người quá cố trong thời gian cử hành tang lễ. Đặc điểm đáng chú ý của hồn bạch là vật phẩm này được hình thành qua một nghi thức riêng, gắn với thời điểm người hấp hối qua đời và quá trình chuyển tiếp từ việc quản thi hài đến an táng, tưởng niệm.

Thần chủ (神主) là vật phẩm được thiết lập để làm đối tượng quy hướng của các nghi thức tế tự dành cho người đã khuất trong lễ chế truyền thống, thường được làm bằng gỗ và có thể ghi tên tuổi, danh hiệu hoặc những thông tin xác định người được thờ cúng. Chữ **thần** (神) trong thuật ngữ này gắn với quan niệm cổ truyền về thần linh hoặc phần linh thiêng của người quá cố, còn chữ **chủ** (主) chỉ vật được đặt ở vị trí trung tâm, làm nơi quy hướng của việc tế tự. Khác với hồn bạch, vốn thường gắn với một giai đoạn nhất định của tang lễ, thần chủ có thể được thiết lập để sử dụng lâu dài trong việc thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên, thời điểm lập thần chủ, cách thức an vị và thời gian sử dụng còn tùy thuộc vào hệ thống lễ chế, thời kỳ và phong tục địa phương.

Bài vị (牌位) là tấm thẻ hoặc bảng dùng để ghi danh hiệu, tên tuổi và những thông tin liên quan đến người được thờ kính hoặc tưởng niệm, thường được làm bằng gỗ nhưng cũng có thể sử dụng những chất liệu khác. Xét về cấu tạo từ ngữ, **bài** (牌) chỉ tấm thẻ hoặc bảng, còn **vị** (位) chỉ vị trí hay ngôi thứ. Vì vậy, thuật ngữ bài vị trước hết nhấn mạnh đến hình thức một tấm bảng ghi danh tính được đặt tại vị trí nghi lễ. Trong

thực tế, bài vị và thần chủ đôi khi được dùng gần nghĩa, nhất là khi tấm bài vị được thiết lập để làm đối tượng quy hướng của việc thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên, xét theo lịch sử lễ chế, hai thuật ngữ này không phải lúc nào cũng hoàn toàn đồng nhất, bởi bài vị nhấn mạnh đến hình thức và chức năng ghi danh, trong khi thần chủ nhấn mạnh hơn đến vai trò của vật phẩm trong nghi thức tế tự.

Linh vị (靈位) là thuật ngữ chỉ vị trí nghi lễ được dành cho người quá cố, hoặc vật phẩm được thiết lập tại vị trí ấy để ghi nhận, tưởng niệm và thực hiện những nghi thức kính lễ. Chữ **linh** (靈) gắn với quan niệm về phần linh thiêng hoặc hồn người đã khuất, còn chữ **vị** (位) có nghĩa là chỗ, ngôi hay vị trí. Vì vậy, nếu bài vị nhấn mạnh đến tấm bảng ghi danh, thì linh vị nhấn mạnh đến vị trí tượng trưng dành cho người quá cố trong không gian nghi lễ. Trong nhiều trường hợp, linh vị được thể hiện bằng một tấm bài vị đặt trên bàn thờ hoặc tại nơi cử hành tang lễ, khiến hai thuật ngữ có thể được sử dụng gần nghĩa; tuy nhiên, cần phân biệt ý nghĩa từ ngữ với hình thức vật chất cụ thể của vật phẩm.

Di ảnh là hình ảnh của người quá cố được lưu giữ hoặc trưng bày để con cháu, thân nhân và những người quen biết tưởng nhớ người đã khuất. Khác với hồn bạch và thần chủ trong những hệ thống lễ chế cổ truyền, di ảnh trước hết mang chức năng nhận diện, lưu giữ hình ảnh và gọi lại ký ức về người đã mất. Việc đặt di ảnh trên bàn thờ gia tiên, trước linh cữu hoặc tại nơi tưởng niệm không tự nó hàm chứa quan niệm rằng linh hồn người quá cố hiện diện hay cư ngụ trong tấm ảnh. Ý nghĩa của di ảnh cần được xác định theo cách người sử dụng hiểu và thực hành những nghi thức liên quan đến hình ảnh ấy.

Cửu huyền thất tổ (九玄七祖) là một hình thức bài vị thờ chung tổ tiên, trên đó ghi danh xưng mang tính bao quát nhằm tưởng nhớ các thế hệ ông bà, tiền nhân trong dòng tộc, thay vì ghi tên tuổi của một người quá cố cụ thể. Trong truyền thống Việt Nam, cụm từ cửu huyền thất tổ thường được dùng để chỉ tổ tiên qua nhiều đời, diễn tả ý thức về nguồn cội và mối liên hệ giữa các thế hệ trong gia đình. Mặc dù các chữ **cửu** (九) và **thất** (七) lần lượt có nghĩa là chín và bảy, cách giải thích cụ thể về số đời tổ tiên được bao hàm trong thuật ngữ này không hoàn

toàn thống nhất giữa các truyền thống.

Xét về hình thức, bài vị Cửu huyền thất tổ là một tấm bảng ghi danh xưng chung của tổ tiên; xét về chức năng, nó có thể được sử dụng làm đối tượng quy hướng cho các nghi thức tưởng niệm và kính lễ trong gia đình. Vì vậy, cần phân biệt bài vị này với hồn bạch (魂帛), vốn là vật phẩm bằng lụa hoặc vải được hình thành qua những nghi thức tang ma riêng, gắn với quan niệm về hồn người vừa qua đời. Việc một gia đình đặt bài vị Cửu huyền thất tổ trên bàn thờ không tự nó chứng minh rằng gia đình ấy tin linh hồn tổ tiên cư ngụ trong tấm bảng, bởi ý nghĩa tín ngưỡng của vật phẩm còn tùy thuộc vào quan niệm và những nghi thức được thực hiện trước bài vị.

Sự phân biệt này giúp tránh đồng nhất mọi vật phẩm đặt trên bàn thờ gia tiên với hồn bạch hoặc với những hình thức thờ cúng mang tính mê tín dị đoan. Đối với người Công giáo, điều cần phân định không chỉ là chất liệu hay chữ viết trên bài vị, mà còn là ý nghĩa được gán cho vật phẩm và nội dung của những hành vi kính lễ liên quan đến nó.

Có thể đặt bài vị ghi “Cửu huyền thất tổ” (九玄七祖) trên bàn thờ gia tiên của người Công giáo, nếu bài vị ấy được sử dụng để tưởng nhớ, tôn kính và bày tỏ lòng biết ơn đối với ông bà tổ tiên, chứ không được xem là nơi linh hồn cư ngụ hoặc một đối tượng có quyền năng thần linh để thờ phượng.

Tuy nhiên, cần phân biệt giữa việc không trái với nguyên tắc đức tin Công giáo và việc được văn kiện của Hội đồng Giám mục Việt Nam cho phép một cách minh nhiên. Đây là hai mức độ xác định khác nhau.

Về bản chất, bốn chữ Cửu huyền thất tổ là một danh xưng chung chỉ các thế hệ tổ tiên. Bản thân dòng chữ ấy không phải là một lời khấn thần linh, cũng không tự nó biểu thị hành vi thờ phượng. Vì thế, không thể chỉ vì trên bàn thờ có tấm bài vị mang bốn chữ này mà kết luận gia đình đang thực hành mê tín dị đoan.

Xét theo nguyên tắc được xác định trong Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên ngày 14.11.1974 của các giám mục miền Nam Việt Nam¹, việc đặt một tấm bài vị ghi bốn chữ Cửu huyền thất tổ trên bàn

1. Đối chiếu Quyết nghị ngày 14.11.1974, được in lại tại Phụ lục 3 của văn kiện

thờ gia tiên có thể được nhìn nhận là phù hợp với đức tin Công giáo, nếu bài vị ấy chỉ nhằm ghi nhớ và tôn kính các thế hệ tổ tiên, không mang ý nghĩa là nơi linh hồn cư ngụ hoặc một đối tượng được phụng thờ như thần linh.

Từ những phân biệt trên, có thể nhận thấy rằng hồn bạch (魂帛), thần chủ (神主), bài vị (牌位), linh vị (靈位), bài vị Cửu huyền thất tổ (九玄七祖) và di ảnh, tuy đều có thể được sử dụng trong tang lễ hoặc việc tưởng niệm, thờ kính tổ tiên, nhưng không hoàn toàn giống nhau về nguồn gốc, hình thức, chức năng nghi lễ và ý nghĩa tín ngưỡng. Hồn bạch gắn với một nghi thức hình thành riêng, được sử dụng để tượng trưng cho hồn người quá cố; thần chủ giữ vai trò làm nơi quy hướng của việc tế tự trong lễ chế truyền thống; bài vị nhấn mạnh đến hình thức tấm bảng ghi danh tính hoặc danh hiệu của người được thờ kính; linh vị nhấn mạnh đến vị trí nghi lễ dành cho người đã khuất; còn bài vị Cửu huyền thất tổ là một hình thức bài vị ghi danh xưng chung của nhiều thế hệ ông bà tổ tiên, nhằm biểu thị lòng tưởng nhớ, biết ơn và ý thức về nguồn cội, thay vì ghi tên tuổi của một người quá cố cụ thể. Riêng di ảnh trước hết là phương tiện lưu giữ hình ảnh, giúp con cháu nhận diện và tưởng nhớ người đã mất. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong thực tế, thần chủ, bài vị và linh vị đôi khi có thể chỉ cùng một vật phẩm, tùy theo cách gọi và chức năng của nó trong từng truyền thống lễ chế.

Sự phân biệt này đặc biệt quan trọng khi khảo cứu những quy định của Giáo hội Công giáo liên quan đến việc tôn kính tổ tiên, bởi không thể chỉ căn cứ vào việc một vật phẩm được đặt trên bàn thờ để xác định ý nghĩa tín ngưỡng của nó. Chẳng hạn, một tấm bài vị ghi Cửu huyền thất tổ không đương nhiên mang ý nghĩa là nơi linh hồn tổ tiên cư ngụ, cũng không thể bị đồng nhất với hồn bạch chỉ vì cả hai đều được sử dụng trong không gian thờ cúng gia đình. Cần tìm hiểu vật phẩm ấy được thiết lập nhằm mục đích gì, được sử dụng trong hệ thống nghi lễ

Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên năm 2019, có hai quy định trực tiếp liên quan:

- Khoản 1: Cho phép đặt bàn thờ gia tiên dưới bàn thờ Chúa trong gia đình, với điều kiện không bày biện những vật phẩm mê tín dị đoan, và nêu đích danh hồn bạch làm ví dụ.
- Khoản 2: Cho phép đốt hương, đèn nến và vái lạy trước bàn thờ gia tiên như những cử chỉ hiếu thảo, tôn kính.

nào, người thực hiện hiểu nó ra sao và những hành vi kính lễ trước vật phẩm ấy mang nội dung gì. Chính việc xem xét đồng thời những yếu tố ấy mới giúp phân biệt một vật phẩm có chức năng tưởng niệm, ghi nhớ công đức tổ tiên với một vật phẩm được sử dụng trong những nghi thức mang quan niệm tín ngưỡng cần được phân định dưới ánh sáng đức tin Công giáo. Theo nguyên tắc ấy, việc đặt bài vị Cửu huyền thất tổ trên bàn thờ gia tiên của người Công giáo có thể được nhìn nhận là phù hợp với đức tin khi bài vị chỉ nhằm tưởng nhớ và tôn kính tổ tiên, chứ không được quan niệm là nơi linh hồn cư ngụ hoặc một đối tượng có quyền năng thần linh để được thờ phượng.

4. Từ một vật phẩm tang lễ đến quan niệm về nơi hiện diện của linh hồn

Trong đời sống tín ngưỡng dân gian Việt Nam, những vật phẩm liên quan đến người quá cố không phải lúc nào cũng chỉ mang ý nghĩa tưởng niệm, bởi tùy theo truyền thống lễ chế và quan niệm của người sử dụng, một vật phẩm có thể vừa là dấu chỉ giúp con cháu tưởng nhớ tổ tiên, vừa được gắn với những ý nghĩa tín ngưỡng liên quan đến sự hiện diện của hồn người đã khuất. Chính vì vậy, khi khảo cứu hồn bạch, cần phân biệt giữa hình thức vật chất của vật phẩm, chức năng biểu tượng trong nghi lễ và những niềm tin được gán cho vật phẩm ấy.

Một tấm bài vị có thể chỉ là vật ghi nhớ tên tuổi, danh hiệu của tổ tiên, nhưng trong một số truyền thống thờ cúng, bài vị hoặc thần chủ còn được xem là nơi quy hướng của việc tế tự, thậm chí được quan niệm là nơi hương hồn người đã khuất hiện diện để tiếp nhận sự phụng thờ của con cháu. Tuy nhiên, không thể từ đó kết luận rằng mọi bài vị đều mang cùng một ý nghĩa tín ngưỡng. Chẳng hạn, bài vị ghi Cửu huyền thất tổ (九玄七祖) có thể được sử dụng như một dấu chỉ tưởng niệm chung các thế hệ ông bà tổ tiên, nhằm biểu thị lòng biết ơn và ý thức về nguồn cội, mà không nhất thiết hàm chứa niềm tin rằng linh hồn tổ tiên cư ngụ trong tấm bảng. Tương tự, hồn bạch (魂帛), vốn được hình thành và sử dụng trong một số nghi thức tang lễ cổ truyền có liên hệ với quan niệm về hồn người chết, cần được tìm hiểu trong chính bối cảnh lễ chế và tín ngưỡng đã sản sinh ra nó, thay vì chỉ xem như một tấm lụa hoặc vật

trang trí thông thường.

Để nhận diện chính xác ý nghĩa của hồn bạch, có thể phân biệt ba cấp độ có liên hệ mật thiết với nhau. Trước hết là ý nghĩa vật chất, theo đó hồn bạch là một vật phẩm được làm bằng lụa hoặc vải, có hình thức và cách thức tạo lập riêng trong một số nghi thức tang lễ. Kế đến là ý nghĩa biểu tượng, khi tấm lụa ấy được sử dụng để đại diện cho người đã khuất, giúp thân nhân có một dấu chỉ hữu hình để thực hiện những nghi thức tưởng niệm và kính lễ. Sau cùng là ý nghĩa tín ngưỡng, theo đó hồn bạch, trong một số truyền thống, có thể gắn với niềm tin rằng hồn người quá cố hiện diện, quy tụ hoặc có một mối liên hệ đặc biệt với vật phẩm đã được thiết lập qua nghi thức tang ma.

Ba cấp độ ý nghĩa ấy tuy có liên hệ với nhau nhưng không phải lúc nào cũng đồng nhất, bởi một vật phẩm có thể giữ nguyên hình thức bên ngoài trong khi cách hiểu và mục đích sử dụng đã thay đổi theo thời gian, địa phương hoặc hoàn cảnh văn hóa. Tuy nhiên, cũng không thể chỉ dựa vào lời giải thích rằng vật phẩm mang tính tượng trưng để bỏ qua những nghi thức và quan niệm tín ngưỡng thực sự gắn với nó. Vì vậy, việc phân định phải xét đến cả nguồn gốc, chức năng nghi lễ, ý nghĩa được cộng đồng thừa nhận và niềm tin của người thực hiện.

Sự phân biệt giữa vật phẩm tưởng niệm và vật phẩm được quan niệm là nơi linh hồn cư ngụ còn có thể được soi sáng bằng giáo huấn của Hội Thánh về việc thờ phượng. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, các số 2096–2097, trình bày việc thờ phượng như hành vi căn bản của nhân đức thờ phượng, qua đó con người nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa và là Chúa của mọi loài. Các số 2112–2114 đồng thời cảnh giác việc thờ ngẫu tượng, nghĩa là dành cho một thụ tạo hoặc một thực tại không phải Thiên Chúa sự tôn thờ chỉ thuộc về Người. Từ nguyên tắc ấy, có thể nhận thấy rằng một tấm bài vị, di ảnh hoặc vật phẩm tưởng niệm không tự nó trở thành đối tượng thờ phượng chỉ vì được đặt ở vị trí trang trọng trong gia đình; điều cần phân định là ý nghĩa tín ngưỡng được gán cho vật phẩm và nội dung của những hành vi thực hiện trước vật phẩm ấy. Nếu một vật phẩm được xem là có quyền năng thần linh để ban phúc, giáng họa và được tôn thờ như một thần linh, thì cách

sử dụng ấy không còn thuộc phạm vi tưởng nhớ và hiếu kính thông thường.

Chính sự phân biệt này giúp giải thích tại sao một vật phẩm tang lễ có thể được nhìn nhận như một dấu chỉ văn hóa và tưởng niệm trong hoàn cảnh này, nhưng lại mang nội dung tín ngưỡng không phù hợp với đức tin Công giáo trong hoàn cảnh khác. Đối với việc tôn kính tổ tiên của người Công giáo Việt Nam, điều cần xem xét không chỉ là vật phẩm được làm bằng chất liệu gì hoặc được đặt ở vị trí nào trên bàn thờ, mà còn là vật phẩm ấy được thiết lập nhằm mục đích gì, có được quan niệm là nơi linh hồn cư ngụ hay không, và những nghi thức thực hiện trước vật phẩm ấy có hàm chứa sự thờ phượng dành cho một đối tượng khác ngoài Thiên Chúa hay không. Nhờ đó, có thể phân biệt những hình thức tưởng niệm và hiếu kính chính đáng với những thực hành tín ngưỡng cần được xem xét dưới ánh sáng giáo lý Công giáo.

5. Tại sao Quyết nghị năm 1974 không chấp nhận hồn bạch trên bàn thờ gia tiên?

Để hiểu quy định liên quan đến hồn bạch, cần đặt vấn đề trong toàn bộ tiến trình hình thành đường hướng mục vụ của Giáo hội Công giáo đối với việc tôn kính tổ tiên tại Việt Nam, đặc biệt là những nỗ lực phân biệt giữa các phong tục biểu lộ lòng hiếu thảo, tôn kính người đã khuất với những nghi thức mang nội dung tín ngưỡng không phù hợp với đức tin Công giáo. Đây không chỉ là vấn đề chấp nhận hay loại bỏ một vật phẩm cụ thể, mà còn liên quan đến cách Giáo hội nhìn nhận các giá trị văn hóa truyền thống và phân định ý nghĩa tôn giáo của những hành vi, nghi thức được thực hiện trong đời sống gia đình và xã hội.

Ngày 8.12.1939, Bộ Truyền giáo ban hành *Huấn thị Plane compertum est*, mở ra một hướng giải quyết quan trọng đối với vấn đề nghi lễ tại một số quốc gia Á Đông. Huấn thị nhìn nhận rằng có những nghi thức và cử chỉ vốn từng gắn với quan niệm tín ngưỡng hoặc tôn giáo, nhưng theo sự biến chuyển của phong tục và đời sống xã hội, đã có thể mang ý nghĩa dân sự, biểu thị lòng tôn kính đối với tổ tiên, lòng yêu nước hoặc những phép lịch sự được cộng đồng thừa nhận. Theo đường hướng ấy, việc đánh giá một nghi thức không thể chỉ dựa vào nguồn gốc lịch sử

hoặc hình thức bên ngoài, mà còn phải xét đến ý nghĩa thực tế của nghi thức trong hoàn cảnh văn hóa đương thời.

Đặc biệt, khoản 4 của Huấn thị đề cập đến những cử chỉ tôn kính mang tính dân sự đối với người đã qua đời, cũng như trước hình ảnh hoặc những tấm bảng ghi tên người quá cố. Quy định này có ý nghĩa đáng chú ý đối với việc khảo cứu các vật phẩm được sử dụng trong nghi lễ tưởng niệm tổ tiên, bởi nó cho thấy cần phân biệt giữa một vật phẩm dùng để ghi nhớ, biểu thị lòng tôn kính và một vật phẩm được sử dụng trong những thực hành mang nội dung tín ngưỡng không phù hợp với giáo lý Công giáo. Tuy nhiên, không nên từ quy định ấy suy rộng rằng mọi hình thức bài vị, thần chủ hoặc vật phẩm tang lễ trong các truyền thống Á Đông đều đương nhiên được chấp nhận, bất kể ý nghĩa và nghi thức gắn liền với chúng.

Tiếp nối đường hướng này, ngày 14.6.1965, Hàng Giám mục miền Nam Việt Nam ban hành Thông cáo về việc áp dụng Huấn thị năm 1939 trong hoàn cảnh Việt Nam. Thông cáo xác định rằng những cử chỉ, thái độ và nghi lễ có ý nghĩa thể tục rõ ràng, nhằm biểu lộ lòng hiếu thảo, tôn kính hoặc tưởng niệm ông bà tổ tiên, có thể được người Công giáo thực hiện và tham dự cách chủ động. Ngược lại, những hành vi mang nội dung tôn giáo trái với đức tin Công giáo hoặc những thực hành mê tín dị đoan thì không được chấp nhận. Như vậy, tiêu chuẩn phân định không chỉ nằm ở hình thức của cử chỉ hay vật phẩm, mà còn ở ý nghĩa được cộng đồng và người thực hiện gán cho chúng.

Đến ngày 14.11.1974, các giám mục miền Nam Việt Nam tiếp tục cụ thể hóa đường hướng mục vụ ấy qua bản Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên, trong đó đề cập đến việc thiết lập bàn thờ gia tiên, đốt hương, đèn nến, vái lạy, tổ chức ngày giỗ, thực hiện lễ gia tiên trong hôn nhân và tham dự những nghi thức tang lễ truyền thống. Ngay tại khoản đầu tiên, bản Quyết nghị cho phép đặt bàn thờ gia tiên trong gia đình, nhưng đồng thời quy định không được bày biện trên bàn thờ những vật phẩm mê tín dị đoan và nêu hồn bạch như một thí dụ cụ thể. Chính sự phân biệt này đặt ra câu hỏi: Tại sao một vật phẩm vốn thuộc nghi thức tang lễ truyền thống lại được nêu riêng trong quy định liên quan đến

bàn thờ gia tiên?

Để trả lời, trước hết cần trở lại với nguồn gốc và chức năng nghi lễ của hồn bạch (魂帛). Như đã trình bày, trong một số phong tục tang ma cổ truyền, hồn bạch không đơn thuần là một tấm lụa được đặt trên bàn thờ để tưởng nhớ người đã khuất, mà là vật phẩm được hình thành qua những nghi thức riêng, gắn với thời điểm người hấp hối qua đời và quan niệm về hồn người chết. Tấm lụa ấy có thể được thắt hoặc kết thành hình người, được đặt tại nơi dành cho người quá cố và sử dụng trong quá trình cử hành tang lễ. Trong bối cảnh tín ngưỡng đã hình thành nên những nghi thức ấy, hồn bạch có thể mang ý nghĩa vượt quá chức năng tưởng niệm thông thường, bởi nó gắn với quan niệm về sự hiện diện hoặc mối liên hệ đặc biệt giữa hồn người đã khuất và vật phẩm được thiết lập.

Từ góc nhìn này, có thể hiểu rằng việc bản Quyết nghị năm 1974 nêu hồn bạch như một thí dụ về vật phẩm mê tín dị đoan nhằm phân định giữa những dấu chỉ được sử dụng để tưởng nhớ, tôn kính tổ tiên với những vật phẩm gắn liền với các quan niệm tín ngưỡng không phù hợp với đức tin Công giáo. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đây là cách giải thích dựa trên việc đối chiếu quy định của các giám mục với bối cảnh lễ chế truyền thống, chứ không phải lời giải thích được chính bản Quyết nghị trình bày một cách minh nhiên.

Theo giáo lý Công giáo, linh hồn con người không phải là một thực thể mà con người có thể dùng nghi thức để đưa vào, lưu giữ hoặc ràng buộc trong một tấm lụa, tấm gỗ hay bất cứ vật phẩm thờ cúng nào. Sau khi chết, con người bước vào cuộc phán xét riêng trước Thiên Chúa, và số phận đời đời của con người thuộc về công lý cùng lòng thương xót của Người. Vì vậy, việc tưởng nhớ, tôn kính và cầu nguyện cho người quá cố không đòi hỏi phải thiết lập một vật phẩm được quan niệm là nơi linh hồn cư ngụ hoặc là phương tiện để con cháu giữ linh hồn người đã khuất ở lại trong gia đình. Những hành vi hiếu kính và tưởng niệm của người Công giáo được đặt trong tương quan với niềm tin vào Thiên Chúa, sự hiệp thông giữa những người còn sống và những người đã qua đời, cùng niềm hy vọng vào sự sống lại.

Giáo huấn này được làm sáng tỏ hơn trong Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, các số 1021–1022. Theo đó, sự chết chấm dứt thời gian đời sống trần thế của con người và mỗi người, ngay sau khi chết, lãnh nhận cuộc phán xét riêng trước Thiên Chúa. Giáo lý ấy đặt số phận của linh hồn trong tương quan với Thiên Chúa và sự sống đời đời, chứ không lệ thuộc vào một vật phẩm hữu hình do con người thiết lập. Mặt khác, số 997 xác định rằng khi chết, linh hồn lìa khỏi thân xác, nhưng Thiên Chúa sẽ ban sự sống bất diệt cho thân xác trong ngày phục sinh. Bởi vậy, không thể đồng nhất niềm tin Công giáo về linh hồn bất tử với quan niệm cho rằng linh hồn người quá cố cần được thu giữ trong một tấm lụa, an vị trong một vật phẩm hoặc duy trì sự hiện diện tại gia đình bằng những nghi thức riêng. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng Sách Giáo lý không trực tiếp đề cập đến thuật ngữ *hồn bạch* (魂帛); đây là sự đối chiếu thần học nhằm làm sáng tỏ nguyên tắc phân định, chứ không phải một định nghĩa chính thức của Hội Thánh về vật phẩm ấy.

Chính ở điểm này, cần phân biệt hồn bạch với những vật phẩm khác có thể được đặt trên bàn thờ gia tiên, chẳng hạn như di ảnh, bài vị ghi tên người quá cố hoặc bài vị ghi *Cửu huyền thất tổ* (九玄七祖). Di ảnh trước hết là phương tiện lưu giữ hình ảnh; bài vị có thể được sử dụng để ghi nhớ tên tuổi, danh hiệu của người đã khuất; còn bài vị *Cửu huyền thất tổ* mang danh xưng chung nhằm tưởng niệm nhiều thế hệ ông bà tổ tiên. Bản thân những hình thức ghi nhớ ấy không nhất thiết hàm chứa quan niệm linh hồn cư ngụ trong vật phẩm. Tuy nhiên, cũng không thể chỉ căn cứ vào tên gọi hoặc hình thức bên ngoài để khẳng định mọi cách sử dụng bài vị đều phù hợp với đức tin, bởi trong một số truyền thống, bài vị hoặc thần chủ còn được gắn với những quan niệm và nghi thức tế tự cần được xem xét riêng.

Như vậy, sự khác biệt giữa hồn bạch và các vật phẩm tưởng niệm khác không chỉ nằm ở chất liệu hoặc hình thức, mà chủ yếu ở nguồn gốc nghi lễ, chức năng được gán cho vật phẩm và những quan niệm tín ngưỡng đi kèm. Một tấm bảng ghi tên tổ tiên có thể được sử dụng như dấu chỉ tưởng niệm, nhưng nếu được quan niệm là nơi linh hồn cư ngụ hoặc là một đối tượng có quyền năng thần linh, thì ý nghĩa của nó đã vượt ra ngoài chức năng ghi nhớ thông thường. Ngược lại, không thể chỉ vì một

tấm bài vị được đặt trên bàn thờ mà đồng nhất nó với hồn bạch hoặc mặc nhiên xem đó là một hình thức mê tín dị đoan.

Từ những phân tích trên, quy định năm 1974 có thể được hiểu là nhằm loại trừ những quan niệm và thực hành tín ngưỡng không phù hợp với đức tin Công giáo, đồng thời vẫn nhìn nhận và bảo vệ giá trị của lòng hiếu thảo, việc tưởng nhớ tổ tiên và những hình thức kính lễ chính đáng trong văn hóa Việt Nam. Việc không chấp nhận hồn bạch trên bàn thờ gia tiên, theo cách hiểu này, không có nghĩa là Giáo hội phủ nhận truyền thống tưởng niệm người đã khuất hoặc bác bỏ mọi vật phẩm được sử dụng trong không gian thờ kính tổ tiên, mà là một sự phân định đối với một vật phẩm cụ thể được nêu trong văn kiện.

Dẫu vậy, cũng cần thận trọng về mặt văn bản học và lịch sử. Bản Quyết nghị ngày 14.11.1974 chỉ nêu hồn bạch như một thí dụ về vật phẩm mê tín dị đoan không được bày biện trên bàn thờ gia tiên, chứ không giải thích cụ thể hình thức hồn bạch nào đang được nhắc đến, không mô tả những nghi thức gắn với vật phẩm ấy và cũng không trình bày chi tiết cơ sở lịch sử hoặc thần học của nhận định này. Vì thế, việc giải thích nguyên nhân của quy định phải được trình bày như một nhận định khảo cứu dựa trên sự đối chiếu giữa văn kiện Giáo hội, phong tục tang lễ truyền thống và giáo lý Công giáo, chứ không nên xem đó là lời giải thích chính thức đã được các giám mục nêu rõ trong bản Quyết nghị.

6. Hồn bạch dưới ánh sáng văn kiện năm 2025

Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên, công bố ngày 7.10.2025, tiếp tục đường hướng mục vụ của Giáo hội Công giáo tại Việt Nam trong việc nhìn nhận những giá trị văn hóa và đạo đức của truyền thống hiếu kính tổ tiên, đồng thời phân định giữa các hình thức tưởng niệm, tôn kính chính đáng với những quan niệm và thực hành tín ngưỡng không phù hợp với đức tin Công giáo. Để hiểu đúng ý nghĩa của văn kiện này đối với vấn đề hồn bạch, cần đặt những hướng dẫn mới trong mối liên hệ với các văn kiện trước đó, đặc biệt là *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên* ngày 14.11.1974 của các giám mục miền Nam Việt Nam.

Tại số 14, văn kiện năm 2025 phân biệt giữa sự thờ phượng dành riêng cho Thiên Chúa với những hình thức tôn kính dành cho các thánh và

những người đáng được kính trọng. Đồng thời, văn kiện lưu ý rằng chữ thờ trong tiếng Việt có phạm vi ý nghĩa rộng hơn thuật ngữ thờ phượng theo nghĩa thần học Công giáo. Trong ngôn ngữ và đời sống văn hóa Việt Nam, người ta có thể nói thờ ông bà, thờ tổ tiên để diễn tả lòng hiếu kính, biết ơn và tưởng nhớ những người đã khuất, mà không nhất thiết có ý đặt tổ tiên ngang hàng với Thiên Chúa hoặc dành cho các ngài sự thờ phượng tuyệt đối. Sự phân biệt về ngôn ngữ và ý nghĩa này có vai trò quan trọng khi đánh giá các phong tục truyền thống, bởi một từ ngữ hoặc cử chỉ chỉ có thể được hiểu đúng khi đặt trong bối cảnh văn hóa, ý hướng của người thực hiện và nội dung tín ngưỡng mà nó biểu đạt.

Đến số 15, văn kiện khuyến khích các gia đình Công giáo thiết lập một bàn thờ gia tiên đơn sơ, trang nghiêm, có thể đặt di ảnh của tổ tiên cùng những vật phẩm mang ý nghĩa tưởng niệm và tôn kính như hương, hoa, đèn nến. Việc thiết lập bàn thờ gia tiên, theo đường hướng ấy, không nhằm tạo nên một nơi thờ phượng khác bên cạnh bàn thờ Thiên Chúa, mà là một hình thức diễn tả lòng hiếu thảo, biết ơn và sự gắn bó giữa các thế hệ trong gia đình. Đồng thời, văn kiện nhấn mạnh rằng điều người quá cố cần nhất, theo đức tin Công giáo, không phải là những của ăn vật chất được dâng cúng, nhưng là lời cầu nguyện, Thánh lễ và những việc hy sinh, bác ái được thực hiện để cầu nguyện cho họ. Như vậy, trọng tâm của việc tôn kính tổ tiên không nằm ở giá trị vật chất của lễ phẩm, mà ở lòng hiếu thảo, sự tưởng nhớ và đời sống đức tin được biểu lộ qua những hành vi cụ thể.

Đáng chú ý, trong phần hướng dẫn chính của văn kiện năm 2025, hồn bạch (魂帛) không được trình bày thành một mục giải thích riêng, trong khi thuật ngữ này xuất hiện trong bản Quyết nghị năm 1974 được in lại ở phần phụ lục. Chi tiết ấy cần được lưu ý khi khảo cứu, bởi văn kiện năm 2025 không trực tiếp triển khai một định nghĩa mới về hồn bạch, cũng không trình bày riêng nguồn gốc lịch sử, hình thức hoặc những quan niệm tín ngưỡng gắn với vật phẩm này. Vì vậy, muốn hiểu lý do hồn bạch được nêu trong quy định năm 1974, người đọc vẫn cần đối chiếu bản Quyết nghị với những tư liệu về lễ chế và phong tục tang ma truyền thống.

Việc phân biệt giữa phần hướng dẫn chính của văn kiện năm 2025 và bản Quyết nghị năm 1974 được in lại trong phụ lục không có nghĩa là những quy định trước đây mặc nhiên mất hiệu lực, cũng không cho phép suy luận rằng những điều không được nhắc lại trong phần chính đều đã được chấp nhận. Sự phân biệt ấy trước hết giúp xác định đúng vị trí, thời điểm và phạm vi của từng bản văn trong tiến trình phát triển đường hướng mục vụ về việc tôn kính tổ tiên tại Việt Nam. Bản Quyết nghị năm 1974 nêu một số quy định cụ thể nhằm hướng dẫn người tín hữu phân định những phong tục đương thời, trong khi văn kiện năm 2025 trình bày rộng hơn những nguyên tắc thần học, văn hóa và mục vụ cần được áp dụng trong đời sống gia đình Công giáo.

Đặt trong bối cảnh ấy, có thể nhận thấy văn kiện năm 2025 không hướng người tín hữu đến việc tái lập những nghi thức cổ truyền dựa trên quan niệm rằng linh hồn người quá cố phải được lưu giữ hoặc quy tụ trong một vật phẩm nhất định. Trái lại, văn kiện nhấn mạnh đến việc tưởng nhớ, tôn kính và biết ơn tổ tiên, đồng thời đề cao lời cầu nguyện, việc dâng Thánh lễ và những hành vi bác ái dành cho người đã qua đời. Điều này phù hợp với giáo lý Công giáo, theo đó linh hồn con người sau khi chết không lệ thuộc vào một vật phẩm hữu hình do con người thiết lập, và việc cầu nguyện cho người quá cố không đòi hỏi phải có một vật được xem là nơi linh hồn cư ngụ.

Từ nguyên tắc ấy, cũng cần phân biệt hồn bạch với những vật phẩm tưởng niệm khác có thể được sử dụng trong gia đình, chẳng hạn như di ảnh, bài vị ghi tên người quá cố hoặc bài vị ghi Cửu huyền thất tổ (九玄七祖). Việc một vật phẩm được đặt trên bàn thờ gia tiên không tự nó chứng minh rằng vật phẩm ấy mang ý nghĩa mê tín dị đoan, bởi điều cần xem xét là mục đích thiết lập, cách hiểu của người sử dụng và những nghi thức được thực hiện trước vật phẩm ấy. Tuy nhiên, cũng không thể vì một vật phẩm được giải thích là mang tính văn hóa mà bỏ qua những quan niệm tín ngưỡng hoặc thực hành cụ thể có thể đi kèm với nó. Do đó, việc phân định phải được thực hiện trên cơ sở xem xét đồng thời hình thức, chức năng nghi lễ và ý nghĩa tín ngưỡng thực tế.

Như vậy, khi đối chiếu Quyết nghị năm 1974 với *Văn kiện Hướng dẫn*

việc Tôn kính Tổ tiên năm 2025, có thể nhận thấy một nguyên tắc xuyên suốt trong đường hướng mục vụ của Giáo hội Công giáo tại Việt Nam: trân trọng và khuyến khích những hình thức diễn tả đạo hiếu phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc, đồng thời phân biệt lòng tưởng nhớ và tôn kính tổ tiên với những quan niệm tín ngưỡng không tương hợp với đức tin Công giáo. Theo hướng tiếp cận này, việc tìm hiểu hồn bạch không nhằm phủ nhận giá trị lịch sử và văn hóa của một phong tục tang lễ cổ truyền, nhưng giúp người tín hữu nhận diện đúng ý nghĩa của vật phẩm ấy và hiểu rõ hơn những nguyên tắc phân định được Giáo hội đề ra trong việc thực hành đạo hiếu.

Đường hướng ấy cũng phù hợp với giáo huấn về sự hiệp thông giữa các tín hữu còn sống và những người đã qua đời. Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, số 958, nhấn mạnh rằng sự hiệp thông với những người đã chết không bị gián đoạn và việc cầu nguyện cho họ là một cách diễn tả tình hiệp thông trong Hội Thánh. Đặc biệt, số 1032 trình bày việc cầu nguyện cho người đã qua đời, nhất là qua hy tế Thánh Thể, đồng thời nhắc đến những việc bố thí, ân xá và đền tội được thực hiện để cầu giúp họ. Như vậy, trong đời sống đức tin Công giáo, mối liên hệ giữa người sống và người đã khuất không được duy trì bằng việc lưu giữ linh hồn trong một vật phẩm, nhưng được diễn tả qua lời cầu nguyện, việc tưởng nhớ và những hành vi bác ái. Đây là một khác biệt căn bản giữa quan niệm tín ngưỡng gắn với một số hình thức sử dụng hồn bạch trong lễ chế cổ truyền và cách Hội Thánh hướng dẫn các tín hữu thực hành lòng hiếu kính đối với người đã qua đời.

7. HIẾU HỒN BẠCH ĐỂ HIỂU ĐÚNG TINH THẦN TÔN KÍNH TỔ TIÊN

Qua việc tìm hiểu hai chữ *hồn bạch* (魂帛), chúng ta có thể nhận thấy rằng một thuật ngữ tưởng chừng ít được chú ý trong văn bản lịch sử lại mở ra nhiều vấn đề liên quan đến ngôn ngữ, lễ chế, tín ngưỡng và đời sống tôn giáo. Việc khảo cứu thuật ngữ này không chỉ giúp nhận diện một vật phẩm từng được sử dụng trong tang lễ cổ truyền, mà còn góp phần làm sáng tỏ những nguyên tắc phân định của Giáo hội Công giáo đối với các phong tục tôn kính tổ tiên trong truyền thống văn hóa Việt Nam.

Xét về mặt từ ngữ, hồn (魂) chỉ phần hồn của con người, còn bạch (帛) có nghĩa là lụa, vải lụa; khi kết hợp thành hồn bạch, hai chữ này dùng để gọi một vật phẩm bằng lụa hoặc vải được thiết lập nhằm tượng trưng cho hồn người quá cố trong một số nghi thức tang lễ. Xét về lịch sử lễ chế, hồn bạch thuộc hệ thống nghi thức tang ma cổ truyền, gắn với những quan niệm về mối liên hệ giữa người sống và người đã khuất. Xét về phương diện tín ngưỡng, vật phẩm ấy có thể mang những ý nghĩa vượt ra ngoài chức năng tưởng niệm thông thường, đặc biệt trong những truyền thống quan niệm rằng hồn người quá cố hiện diện, quy tụ hoặc có một mối liên hệ đặc biệt với tấm lụa được thiết lập qua nghi thức tang ma. Chính ở phương diện sau cùng này mà việc phân định của Giáo hội Công giáo trở nên cần thiết, bởi không phải mọi phong tục được lưu truyền qua nhiều thế hệ đều có cùng một ý nghĩa văn hóa hoặc tín ngưỡng.

Trong đời sống gia đình, người Công giáo có thể gìn giữ di ảnh của ông bà, thắp nén hương tưởng nhớ, đặt bình hoa trên bàn thờ gia tiên hoặc quy tụ con cháu trong ngày giỗ để nhắc lại công đức của tiền nhân và cầu nguyện cho những người đã qua đời. Tương tự, một tấm bài vị ghi tên tuổi tổ tiên hoặc mang dòng chữ Cửu huyền thất tổ (九玄七祖) có thể được sử dụng như dấu chỉ tưởng niệm các thế hệ ông bà, biểu thị lòng biết ơn và ý thức về nguồn cội, mà không nhất thiết hàm chứa niềm tin rằng linh hồn người quá cố đang cư ngụ trong vật phẩm ấy. Tuy nhiên, ý nghĩa của những vật phẩm này không thể chỉ được xác định qua tên gọi hoặc hình thức bên ngoài, mà còn phải xét đến mục đích thiết lập, cách hiểu của người sử dụng và nội dung của những nghi thức được thực hiện trước chúng.

Ngược lại, nếu một vật phẩm được thiết lập với niềm tin rằng linh hồn người quá cố phải trú ngụ trong đó để tiếp nhận lễ vật, hoặc bản thân vật phẩm được xem như có quyền năng ban phúc, giáng họa cho con cháu, thì ý nghĩa của việc sử dụng vật phẩm ấy đã vượt ra ngoài phạm vi tưởng niệm và hiếu kính thông thường, trở thành một thực hành tín ngưỡng cần được phân định dưới ánh sáng đức tin Công giáo. Sự phân định này không nhằm phủ nhận lòng thành kính của con cháu đối với tổ tiên, nhưng giúp nhận ra sự khác biệt giữa những cử chỉ diễn tả đạo

hiếu với những quan niệm không phù hợp với giáo lý về Thiên Chúa, linh hồn và đời sống sau khi chết.

Bởi vậy, hiếu đúng hồn bạch không chỉ giúp giải thích một từ ngữ cổ được nhắc đến trong *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên* ngày 14.11.1974, mà còn giúp nhận ra ý nghĩa của đường hướng hội nhập văn hóa được tiếp tục triển khai trong văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên năm 2025. Đường hướng ấy vừa trân trọng những giá trị đạo đức và văn hóa tốt đẹp của truyền thống dân tộc, vừa đòi hỏi người tín hữu biết phân định những yếu tố tín ngưỡng gắn với phong tục cổ truyền, để gìn giữ những gì phù hợp với đức tin và điều chỉnh hoặc loại bỏ những gì không tương hợp với giáo lý Công giáo. Như thế, việc hội nhập văn hóa không đồng nghĩa với sự chấp nhận mọi phong tục một cách không phân biệt, nhưng cũng không phải là sự phủ nhận toàn bộ di sản văn hóa của cha ông.

Việc phân định những quan niệm tín ngưỡng gắn với vật phẩm tang lễ cũng không làm giảm nhẹ bốn phận hiếu kính đối với cha mẹ và tổ tiên. Trái lại, Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, số 2199, xác định rằng điều răn thứ tư còn liên quan đến những bốn phận trong các tương quan gia đình và xã hội; các số 2214–2215 nhấn mạnh lòng kính trọng, biết ơn của con cái đối với cha mẹ, những người đã trao ban sự sống và chăm sóc, giáo dục mình. Vì thế, người Công giáo có thể gìn giữ những hình thức tưởng niệm tổ tiên phù hợp với văn hóa dân tộc, đồng thời diễn tả lòng hiếu thảo bằng đời sống đạo đức, việc chăm sóc cha mẹ khi còn sống và cầu nguyện cho các ngài sau khi qua đời. Chính sự kết hợp giữa đạo hiếu và đức tin ấy giúp việc tôn kính tổ tiên vượt lên trên những hình thức vật chất của nghi lễ, để trở thành một trách nhiệm luân lý và một hành vi yêu thương được thực hiện trong tương quan với Thiên Chúa.

Sau cùng, giá trị sâu xa của việc tôn kính tổ tiên không nằm ở bản thân một tấm lụa, một tấm bài vị, một bức di ảnh hay bất cứ vật phẩm hữu hình nào, mà trước hết ở lòng biết ơn chân thành, sự gìn giữ và tiếp nối những giá trị tốt đẹp của gia đình, cùng trách nhiệm của con cháu đối với những người đã sinh thành, dưỡng dục và truyền lại cho mình

gia sản tinh thần của các thế hệ đi trước. Những vật phẩm tưởng niệm có thể giúp con người biểu lộ và nuôi dưỡng tình cảm ấy, nhưng không thể thay thế chính lòng hiếu thảo được thể hiện trong đời sống. Đối với người Công giáo, lòng hiếu thảo còn được diễn tả qua việc cầu nguyện cho ông bà tổ tiên, dâng Thánh lễ, thực hành những việc lành và sống niềm hy vọng vào sự sống lại và sự sống đời đời trong Thiên Chúa. Chính trong sự kết hợp giữa lòng biết ơn đối với tiền nhân và niềm tin vào Thiên Chúa mà việc tôn kính tổ tiên tìm được ý nghĩa trọn vẹn trong đời sống đức tin của người Công giáo Việt Nam.

Tài liệu tham khảo và hướng khảo chứng

1. Hội đồng Giám mục Việt Nam, Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên, công bố ngày 7.10.2025, đặc biệt các số 14, 15 và Phụ lục 1, trang 54–56.
2. Hội Thánh Công giáo, *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, các số 366 (linh hồn thiêng liêng và bất tử); 997 (sự chết và sự phục sinh thân xác); 1021–1022 (cuộc phán xét riêng); 2096–2097 (việc thờ phượng Thiên Chúa); 2112–2114 (việc thờ ngẫu tượng); 958, 1032 (sự hiệp thông và việc cầu nguyện cho người đã qua đời); 2199, 2214–2215 (bốn phận hiếu kính cha mẹ).
3. Bộ Truyền giáo, *Huấn thị Plane Compertum Est*, ngày 8.12.1939, bản dịch in trong Phụ lục 1 của văn kiện năm 2025, trang 44–47.
4. Hội đồng Giám mục miền Nam Việt Nam, Thông cáo về việc Tôn kính Tổ tiên, Đà Lạt, ngày 14.6.1965.
5. Hội đồng Giám mục miền Nam Việt Nam, *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên*, Nha Trang, ngày 14.11.1974, đặc biệt khoản 1, trang 54.
6. *Chu Tử Gia Lễ* (朱子家禮), phần tang lễ. Đây là nguồn cổ thư cần tiếp tục đối chiếu nguyên văn để xác định rõ hơn cách chế tác, sử dụng và xử lý hồn bạch trong lễ chế Nho giáo.